

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trương Thị Tuyết T, sinh năm: 1983; HKTT: Khu dân cư H, khóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Trần Văn C, sinh năm: 1972; HKTT: đường P, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 27/12/2016, ông bà đăng ký kết hôn tại UBND phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do ông C thường xuyên cờ bạc, say xỉn, tính tình không còn hợp nhau nên ông bà thường xuyên cãi vã. Mặc dù gia đình ông C nhiều lần khuyên ông C sửa đổi nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà không có gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải về tình trạng hôn nhân của ông bà. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C.

[2]. Về con chung: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C trình bày, ông bà có 02 người con chung tên Trần Ngọc Phương A (giới tính: nữ), sinh ngày 24/12/2015 và Trần Ngọc Phương A1 (giới tính: nữ), sinh ngày 01/3/2018. Hiện cháu Phương A và Phương A1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C thống nhất giao 02 người con chung tên Trần Ngọc Phương A và Trần Ngọc Phương A1 cho bà Trương Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phương A và Phương A1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C thống nhất, ông C đóng góp cho bà T số tiền 2.000.000 đồng/tháng/1cháu để cấp dưỡng nuôi cháu Phương A và cháu Phương A1 cho đến khi cháu Phương A và cháu Phương A1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2019.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Trần Ngọc Phương A và Trần Ngọc Phương A1 mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[5]. Về lệ phí Tòa án: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C trình bày, ông bà có 02 người con chung tên Trần Ngọc Phương A (giới tính: nữ), sinh ngày 24/12/2015 và Trần Ngọc Phương A1 (giới tính: nữ), sinh ngày 01/3/2018. Hiện cháu Phương A và Phương A1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà

Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C thống nhất giao 02 người con chung tên Trần Ngọc Phương A và Trần Ngọc Phương A1 cho bà Trương Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phương A và Phương A1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C thống nhất, ông C đóng góp cho bà T số tiền 2.000.000 đồng/tháng/1 cháu để cấp dưỡng nuôi cháu Phương A và cháu Phương A1 cho đến khi cháu Phương A và cháu Phương A1 đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Trần Ngọc Phương A và Trần Ngọc Phương A1 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Trương Thị Tuyết T và ông Trần Văn C đã nộp theo biên lai thu số 0004732 và 0004733 cùng ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, Sóc Trăng. Bà T và ông C đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên